

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2018/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy O, sinh năm 1977 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1980 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2018 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thúy O trình bày:

Về hôn nhân, bà (Nguyễn Thúy O) và ông Nguyễn Văn V chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/10/2015. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Những việc trong gia đình ông V không bàn bạc, không thông qua ý kiến bà. Ông V không lo cho vợ con, không lo hạnh phúc gia đình. Bà đã về bên cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 3/2016, ông V chỉ thỉnh thoảng qua lại thăm vợ con. Bà và ông V không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2018 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm dành cho ông V không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn V. Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Thảo H (giới tính nữ) sinh ngày 03/8/2016 hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2018 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn V trình bày:

Về hôn nhân, thời gian xác lập quan hệ vợ chồng và việc có đăng ký kết hôn đúng như bà O trình bày. Bà O cho rằng thời gian không còn sống chung từ tháng 3/2016 là không đúng. Ông và bà O không còn chung sống từ tháng 10/2018. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là một phần xuất phát từ mẹ ruột ông khó khăn đối với bà O. Ngoài ra cũng từ việc bà O muốn vợ chồng có quyền về tài sản trong khi ông là con trai út trong gia đình chưa được cha mẹ cho tài sản. Hiện ông không muốn con có cuộc sống khổ cực, đồng thời cuộc sống chung chưa đến mức phải dẫn đến việc ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung có 01 người như bà O trình bày, ông đồng ý giao con chung cho bà O nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Chính quyền địa phương ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau xác định: Bà O và ông V có sinh sống tại ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau khoảng 5 đến 7 tháng. Về tình trạng hôn nhân và việc phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không rõ do khi phát sinh mâu thuẫn các đương sự không trình báo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thúy O; về con chung, ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thúy O và ông Nguyễn Văn V

giao con chung cho bà O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề nghị xử lý. Về án phí buộc bà Nguyễn Thúy O phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thúy O yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Nguyễn Thúy O và ông Nguyễn Văn V chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, được chứng nhận kết hôn vào ngày 16/10/2005 nên hôn nhân được công nhận là hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà O và ông V được công nhận là vợ chồng.

Về mâu thuẫn, bà O cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, cụ thể như quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Những việc trong gia đình ông V không bàn bạc, không thông qua ý kiến bà. Ông V không lo cho vợ con, không lo hạnh phúc gia đình. Khi bà O về bên cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 3/2016 mà ông V chỉ thỉnh thoảng qua lại thăm. Đồng thời, bà và ông V không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2018 cho đến nay mà không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà O xác định tình cảm dành cho ông V không còn, tại phiên tòa bà O khẳng định không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông V mà cương quyết ly hôn với ông V. Ông V thì cho rằng ông không muốn con chung có cuộc sống khổ cực, đồng thời ông V cho rằng mâu thuẫn không đến mức phải dẫn đến ly hôn, ông vẫn còn tình thương đối với bà O nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bà O xác định tình cảm dành cho ông V không còn, mặc khác từ khi bà O về bên cha mẹ ruột sinh sống ông V chỉ thỉnh thoảng về thăm vợ con. Từ khi không còn chung sống với nhau (tháng 9/2018) cho đến nay mà cả hai người không thể tự hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà O cương quyết ly hôn, xét thấy hôn nhân của bà O và ông V đã và đang trong tình trạng trầm trọng nên việc cho bà O ly hôn với ông V là hoàn toàn có căn cứ.

[3]. Về con chung: Cả hai người thống nhất xác định có 01 người tên là Nguyễn Thảo H (giới tính nữ) sinh ngày 03/8/2016 hiện đang do bà O nuôi dưỡng. Qua thỏa thuận, ông V thống nhất giao con chung cho bà O nuôi, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận là phù hợp với quy định của các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Bà O và ông V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[5]. Về nợ chung: Bà O, ông V xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thúy O phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thúy O ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thúy O và ông Nguyễn Văn V, cụ thể như sau:

Giao người con chung tên Nguyễn Thảo H (giới tính nữ) sinh ngày 03/8/2016 cho bà Nguyễn Thúy O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thúy O về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thúy O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thúy O đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007325 ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã P, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước